

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 27/9/2024.
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Phúc.*

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Nga.*
- Bà Mai Thị Tuyết Dung.*

- *Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Bích Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ: Bà Huỳnh Kim Châu – Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 297/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXX-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam).*

Địa chỉ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tất T.

Đại diện của ông Nguyễn Tất T: Ông Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm: 2000; Địa chỉ: P, tầng D, tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn: Bà Trần Thị Thu L, sinh năm: 1985. (Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/4/2022 Công ty T1 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 3064052 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho bà Trần Thị Thu L với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng, lãi suất 45%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp

đồng tín dụng cho bà **L**, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà **L**. Theo hợp đồng tín dụng bà **L** có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền 2.045.292 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 15/5/2022 đến ngày 15/4/2024 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà **L** chỉ thanh toán trả góp cho Công ty được 08 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 18.430.518 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 8.817.124 đồng, lãi là 9.559.336 đồng, phí đã trả là 48.000 đồng). Ngày 21/4/2023 đến nay, bà **L** không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà **L** thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà **L** biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà **L** vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho phía Công ty.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu buộc bà **Trần Thị Thu L** phải thanh toán cho Công ty số tiền vay, tạm tính đến ngày 27/9/2024 là: 46.951.389 đồng, trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.162.876 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 7.547.687 đồng.
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 15.326.038 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 914.788 đồng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc bà **Trần Thị Thu L** phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà **Trần Thị Thu L** không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tất cả các buổi làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Đại diện theo ủy quyền của **Công ty T1** (Việt Nam) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu.
2. Bà **Trần Thị Thu L** vắng mặt.
3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Thu L phải thanh toán khoản tiền theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Trần Thị Thu L có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với bà Trần Thị Thu L để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà L vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đại diện của Công ty có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Khi ký kết hợp đồng, các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, hình thức, nội dung hợp đồng không trái đạo đức, xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do bị đơn bà L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty T1 (Việt Nam) có đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị Thu L có nghĩa vụ trả nợ với số tiền tạm tính đến ngày đến ngày 27/9/2024 là 46.951.389 đồng, trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.162.876 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 7.547.687 đồng.

- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 15.326.038 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 914.788 đồng.

Và bà **L** có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/8/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nêu trên.

Xét tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả ...”.

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.*

Do đó, xét việc bà **L** chậm thanh toán nợ gốc, lãi cho Công ty là vi phạm thỏa thuận giữa hai bên và trái với quy định pháp luật. Vì vậy, việc Công ty yêu cầu khởi kiện đối với bà **Trần Thị Thu L** nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Như đã phân tích, xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty T1** (Việt Nam):

Buộc bà **Trần Thị Thu L** phải thanh toán cho **Công ty T1** (Việt Nam) số tiền phải trả theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3064052, ngày đề nghị vay 15/4/2022, tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2024 buộc bà **Trần Thị Thu L** phải trả là 46.951.389 đồng, trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.162.876 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 7.547.687 đồng.
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 15.326.038 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 914.788 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2024, bà **Trần Thị Thu L** còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc vay. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà **Trần Thị Thu L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.347.569 đồng.
- **H** lại cho Công ty số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 751.300 đồng theo biên lai số 0046605 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trọng Phúc